

Số: /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐH, ngày 27/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 13/5/2024 về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 13/5/2024;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND ngày 30/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3573/TTr-SGDĐT ngày 12/6/2026 về việc báo cáo hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng

nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (*thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng*), cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2024/NQ-HĐND

Thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030 (*có hiệu lực từ 01/8/2024*); trong đó, quy định Danh mục hỗ trợ đào tạo, gồm 09 nghề: Logistics, Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Hàn, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Quản trị khách sạn, Điều dưỡng, Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

Mức hỗ trợ bằng 50% mức thu học phí người học phải nộp tại cơ sở đào tạo đối với người học là người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn thành phố; hỗ trợ 900.000 đồng/người/tháng đối với người học là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố; hỗ trợ nhà giáo cơ hữu dạy trung cấp, cao đẳng công lập tự chủ nhóm 3 trực thuộc thành phố 10.000.000 đồng/người/khóa học bồi dưỡng chuẩn năng lực thực hành nghề; hỗ trợ người lao động kỹ thuật của doanh nghiệp và nghề nhân cấp tỉnh trở lên bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm 3.000.000 đồng/người/khóa.

Điều kiện được nhận hỗ trợ: Có cam kết làm việc phù hợp với nghề được hỗ trợ đào tạo tại thành phố Hải Phòng tối thiểu 03 năm ngay sau khi tốt nghiệp; Có cam kết về giải quyết việc làm giữa các trường trung cấp, trường cao đẳng trực tiếp tuyển sinh, đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thông qua Hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo.

Kết quả thực hiện: Từ tháng 8/2024 đến hết tháng 4/2026, có 537 học sinh, sinh viên của 07 trường (06 cao đẳng, 01 trung cấp) khu vực phía Đông đề nghị được hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND. Năm 2025, thành phố đã bố trí hơn 31 tỷ đồng, song kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND mới được 4,8 tỷ đồng (đạt 15,4%). Năm 2026, thành phố đã bố trí hơn 38,2 tỷ đồng hỗ trợ người học, hỗ trợ nhà giáo theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND đã góp phần thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông học lên trình độ

trung cấp, cao đẳng; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tăng cường đào tạo lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường; góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho thị trường lao động trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy số lượng học sinh, sinh viên đề nghị được thụ hưởng kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND chưa nhiều. Nguyên nhân là do điều kiện thực hiện phải cam kết làm việc tại thành phố tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp làm hạn chế cơ hội tìm kiếm việc làm có thu nhập hấp dẫn hơn tại các địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2024/NQ-HĐND

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 13/5/2024 Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng (cũ) ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ngày 19/01/2026, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024; trong đó sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ năm của điểm 2 Mục III về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp như sau: *“rà soát, điều chỉnh một số chính sách đặc thù tạo chuyển biến đột phá trong giáo dục nghề nghiệp; trong đó tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nghề được khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ cho người lao động, tăng cường tuyển sinh, đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu. Hỗ trợ nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kỹ sư, chuyên gia làm việc trong các doanh nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm...”*;

Thực hiện quy định của điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030;

- Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Ngày 26/10/2025, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương ban hành trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mới), trong đó Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-2030 được áp dụng để thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mới).

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật như sau: *“Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”*.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“c. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Ngày 30/3/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

- Cơ quan trình dự thảo Nghị quyết: Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết: Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/7/2026, trên địa bàn thành phố có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm 22 trường cao đẳng, 11 trường trung cấp (phía Đông có 16 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp; phía Tây có 06 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp) (Chi tiết theo Phụ lục I).

Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn có 39 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm 14 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 03 trung tâm giáo dục thường xuyên và 11 doanh nghiệp (phía Đông có 08 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 07 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên; phía Tây có 06 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 02 trung tâm giáo dục thường xuyên và 11 doanh nghiệp).

Giai đoạn 2023 - 2025, trung bình mỗi năm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đạt khoảng 90.000 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó, trình độ cao đẳng, trung cấp khoảng 16.500 học sinh, sinh viên (chiếm 18%); trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng khoảng 73.500 học viên (chiếm 82%).

Thành phố Hải Phòng đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, logistics, kinh tế biển, năng lượng sạch. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 13%/năm trở lên; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 35%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 60%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 11%/năm; đến năm 2030 có khoảng 87.000 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố và tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%.

Trong bối cảnh thành phố tiếp tục mở rộng các khu công nghiệp, khu kinh tế, đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và FDI, nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật trực tiếp có tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp ở các ngành nghề trọng điểm ngày càng lớn. Vì vậy, thành phố cần thiết phải rà soát, điều chỉnh một số chính sách đặc thù tạo chuyển biến đột phá trong giáo dục nghề nghiệp, nhằm tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực kỹ thuật có kỹ năng nghề chất lượng cao; tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác sau khi tốt nghiệp, gắn bó lâu dài với nghề, ổn định và phát triển cuộc sống tại thành phố Hải Phòng.

Với các căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND là cần thiết.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết nhằm mục đích phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật Trung ương mới ban hành, có căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền triển khai áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đồng bộ quyền lợi, chế độ, chính sách cho người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và nhà giáo (sau hợp nhất).

- Rà soát, thống nhất Danh mục nghề khuyến khích hỗ trợ đào tạo, bảo đảm phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất);

- Thu hút tăng tuyển sinh học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn thành phố; nhằm cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực kỹ thuật có kỹ năng nghề chất lượng cao; tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác sau khi tốt nghiệp, gắn bó lâu dài với nghề, ổn định và phát triển cuộc sống tại thành phố Hải Phòng; đồng thời cũng nhằm tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của thành phố Hải Phòng.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Chính sách phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của thành phố và khả năng cân đối nguồn ngân sách.

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Bảo đảm chính sách được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, tính khả thi cao.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, ngày 10/3/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 1358/TTr-SGDĐT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

2. Ngày 18/3/2026, Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 82/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

3. Ngày 30/3/2026, Hội đồng nhân dân thành phố có Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

4. Triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 3472/VP-VX ngày 01/4/2026 về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố

quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm chất lượng, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5. Ngày 08/5/2026, Sở Tư pháp có báo cáo số 143/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

6. Ngày 12/6/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 3573/TTr-SGDĐT về việc báo cáo hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Như vậy, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức hỗ trợ
- Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện và thời gian hỗ trợ
- Điều 4. Kinh phí thực hiện
- Điều 5. Hiệu lực thi hành
- Điều 6. Tổ chức thực hiện

2. Điểm mới của dự thảo Nghị quyết

Về Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo: Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm 14 nghề, gồm: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Thương mại điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (*tăng 05 nghề so với Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND*).

Về điều kiện hỗ trợ: Dự thảo Nghị quyết mới yêu cầu người học sau khi được cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; không yêu cầu người học cam kết làm việc tại thành phố Hải Phòng tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp; không yêu cầu cam kết của trường trung cấp, trường cao đẳng trực tiếp tuyển sinh, đào tạo với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thông qua Hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

3.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo: 14 nghề, gồm: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Thương mại điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh.

3.1.2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên, chưa có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp vị trí làm việc theo nhu cầu của doanh nghiệp, được doanh nghiệp cử đi học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố.

b) Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố.

c) Nhà giáo cơ hữu đang trực tiếp giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập tự chủ nhóm 3 trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chưa đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

d) Người làm công việc kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên, đáp ứng tiêu chí về trình độ đào tạo của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đáp ứng tiêu chí về trình độ nghiệp vụ sư phạm, có nhu cầu giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (thỉnh giảng) tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố.

đ) Trường trung cấp, trường cao đẳng, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng, địa điểm đào tạo của trường trung cấp, trường cao đẳng được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố.

3.2. Chính sách hỗ trợ người học

- Người học là người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên, chưa có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp vị trí làm việc theo nhu cầu của doanh nghiệp, được doanh nghiệp cử đi học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố học nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết được hỗ trợ 50% mức thu học phí người học phải nộp tại cơ sở đào tạo theo quy định;

- Người học là học sinh tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố học nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết được hỗ trợ chi phí học tập với mức hỗ trợ: 900.000 đồng/người/tháng.

3.3. Chính sách hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

a) Hỗ trợ bồi dưỡng năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng

Nhà giáo cơ hữu đang trực tiếp giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập tự chủ nhóm 3 trực thuộc thành phố, chưa đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng được hỗ trợ bồi dưỡng năng lực thực hành nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết với mức hỗ trợ một lần, tối đa: 10.000.000 đồng/người/khóa.

b) Hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

Người làm công việc kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên, đáp ứng tiêu chí về trình độ đào tạo của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đáp ứng tiêu chí về trình độ nghiệp vụ sư phạm, có nhu cầu giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (thỉnh giảng) tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố được hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm với mức hỗ trợ một lần, tối đa: 3.000.000 đồng/người/khóa.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí thực hiện

a) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030: 699.847.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng*); (riêng 02 năm 2031, 2032 là thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người học đã được tuyển sinh trong năm 2030 học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng). Cụ thể:

Năm 2026: 70.344.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng);

Năm 2027: 117.482.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu đồng);

Năm 2028: 128.784.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu đồng);

Năm 2029: 140.647.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng);

Năm 2030: 151.711.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, bảy trăm mười một triệu đồng);

Năm 2031: 82.329.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu đồng);

Năm 2032: 8.550.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu Phụ lục II, III, IV, V, VI)

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết và các quy định liên quan.

- Kinh phí phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm sử dụng nguồn nhân lực hiện có; không phát sinh thêm bộ máy, biên chế; không phát sinh thủ tục hành chính; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

3. Nguồn lực và điều kiện thi hành

a. Dự kiến nguồn lực: Nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách thành phố hàng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

b. Điều kiện bảo đảm thi hành Văn bản và thời gian thông qua: Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố vào Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII (nhiệm kỳ 2026 - 2031).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (*thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng*), Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Các tài liệu gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng).

- Báo cáo số 2373/SGĐĐT-GDĐT, GDNN&ĐH ngày 28/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030;

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Báo cáo số 2374/BC-SGĐĐT ngày 28/4/2026 tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

- Các ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết;

- Báo cáo số 143/BC-STP ngày 08/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU; TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Sở: TP, GDĐT, TC, NV;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- CPVP UBND TP;
- Các phòng: VX, TC, TH, NV&KTGS;
- Lưu: VT, L.Th.Hiến.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Tiến Phụng

Phụ lục I. Danh sách các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2026 của UBND thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH
1	Trường CD Cơ giới xây dựng	Số 9, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Chu Văn An, TP Hải Phòng
2	Trường CD Du lịch và Công thương	Km 43, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP Hải Phòng
3	Trường CD Giao thông vận tải đường bộ	Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Hải Phòng
4	Trường CD Dược Trung ương Hải Dương	Số 324, Nguyễn Lương Bằng, P Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng
5	Trường CD nghề Hải Dương	Tiền Trung, P. Ái Quốc, Thành phố Hải Phòng
6	Trường CD Kinh tế và Công nghệ	Thôn Dường Thái, Xã Phú Thái, TP Hải Phòng
7	Trường CD Kỹ thuật Hải Phòng	Xã An Khánh, Hải Phòng;
8	Trường CD Y tế Hải Phòng	Số 169 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
9	Trường CD Công nghệ Viettronics	Số 118 Đường Cát Bi, Phường Hải An, Tp Hải Phòng
10	Trường CD Giao thông vận tải Trung ương II	P. An Hải - TP. Hải Phòng
11	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Bắc bộ	Số 184 đường 5 mới, P. Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
12	Trường CD Du lịch Hải Phòng	Phường An Dương, TP Hải Phòng.
13	Trường CD Thủy sản và Công nghệ thực phẩm	Phường Đồ Sơn, TP. Hải Phòng;
14	Trường CD VMU	Số 211 Đường Hải Triều, phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng;
15	Trường CD Hàng hải và Đường thủy I	Số 498 Đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải TP Hải Phòng;
16	Trường CD Bách nghệ Hải Phòng	Số 70 Mạc Quyết, phường Hưng Đạo, TP Hải Phòng
17	Trường CD Công nghệ Bách khoa Hà Nội	Số 90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, thành phố Hải Phòng
18	Trường CD Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Số 156/109 đường Trường Chinh, phường Kiến An, TP Hải Phòng
19	Trường CD FPT Polytechnic	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 118 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng
20	Trường CD Y Dược Hà Nội	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, Hải Phòng
21	Trường CDN số 20 - Bộ Quốc phòng	Số 248 đường Lê Duẩn, P. Kiến An, thành phố Hải Phòng
22	Trường CD Công nghệ số và Quản trị xanh Việt Nam	Km 87 quốc lộ 10, phường An Dương, thành phố Hải Phòng
23	Trường TC Ngoại ngữ Kỹ thuật và Công nghệ	Số 189 Nguyễn Lương Bằng, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng

24	Trường TC nghề công nghệ cao Việt Đức	Số 6 Lê Thanh Nghị, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng
25	Trường TCN ViệtNam-Canada	Cộng Hòa, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng
26	Trường TCN CNT	Lô 20-Ô11+12-Vạn Lộc-Tây Nam Cường-P.Tứ Minh, TP Hải Phòng
27	Trường TC Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	Số 36 Hào Khê, P. Hải An, TP Hải Phòng
28	Trường TCN Kỹ thuật xi măng	Số 3 Đường Hà Nội, phường Hồng Bàng, Hải Phòng
29	Trường TC Du lịch Thăng Long	Số 8A Lán Bè, P. An Biên, Hải Phòng
30	Trường TC Bách khoa Hải Phòng	Số 1 đường Hồng Đức, Khu đô thị Cự Viên, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng
31	Trường TC Chuyên nghiệp Hải Phòng	Số 39 Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP Hải Phòng
32	Trường TC Tài chính - Kế toán	29 Lực Hành, phường Hải An, TP Hải Phòng
33	Trường TC Y khoa Việt Nam	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: Xã Kiến Thụy – TP Hải Phòng

Phụ lục II. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp
1	2	3	4	5	6
1	Hỗ trợ người học	34.990	696.897	696.897	0
1.1	Hỗ trợ học phí cho người lao động học trình độ trung cấp	720	17.136	17.136	0
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	34.270	679.761	679.761	0
2	Hỗ trợ nhà giáo GDNN	400	2.950	2.950	0
2.1	Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho nhà giáo cơ hữu	250	2.500	2.500	0
2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo thỉnh giảng	150	450	450	0
	Tổng	35.390	699.847	699.847	-

Tổng số người được hỗ trợ: 35.390 người

Tổng số tiền: **699.847.000.000** đồng

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng)

Phụ lục III. Bảng so sánh tăng/giảm so với giai đoạn trước, năm trước (năm 2025)
(Kèm theo Tờ trình số _____/TTr-UBND ngày ____/____/2026 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 3473/QĐ-UBND (giai đoạn 2024 - 2030)				Nội dung điều chỉnh (giai đoạn 2026-2030)				Chênh lệch		Thuyết minh tăng/giảm
		Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp	Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp	Tổng số người học	Tổng số tiền tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Hỗ trợ người học	22.015	425.563,2	425.563,2	0	34.990	696.897	696.897	0	12,975	271,333.8	Sau khi sáp nhập, TP Hải Phòng (mới): - Tăng thêm 05 nghề (tổng 14 nghề); - Tăng số lượng trường cao đẳng, trung cấp tham gia thực hiện chính sách; - Tăng số lượng người học tuyển sinh - Tăng số lượng nhà Giáo GDNN
1.1	Hỗ trợ học phí cho người lao động học trình độ trung cấp	475	9.853,2	9.853,2	0	34.990	696.897	696.897	0	245	7,282.8	
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	21.540	415.710	415.710	0	720	17.136	17.136	0	12,730	264,051	
2	Hỗ trợ nhà giáo GDNN	250	1.800	1.800	0	400	2.950	2.950	0	150	1,150	
2.1	Bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho nhà giáo cơ hữu	150	1.500	1.500	0	250	2.500	2.500	0	100	1,000	
2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo thỉnh giảng	100	300	300,0	0	150	450	450	0	50	150	
	Tổng	22.265	427.363,2	427.363,2	-	35.390	699.847	699.847	-	13,125	272,483.8	

Số người được hỗ trợ tăng: 13.125 người

Số tiền tăng: 272.483.800.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng)

Phụ lục IV. Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

STT	Nội dung	Cộng		Giai đoạn 2026-2030									
				Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
		Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người
1	Hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng nghề cho nhà giáo cơ hữu (10 trđ/nhà giáo)	2.500.000.000	250	400.000.000	40	500.000.000	50	500.000.000	50	550.000.000	55	550.000.000	55
2	Hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN cho nhà giáo thỉnh giảng (3 trđ/nhà giáo)	450.000.000	150	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30
	Cộng	2.950.000.000	400	490.000.000	70	590.000.000	80	590.000.000	80	640.000.000	85	640.000.000	85

Số tiền: 2.950.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng

Phụ lục V. Hỗ trợ người lao động của Doanh nghiệp học trình độ trung cấp
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

Năm	Số tuyển sinh hàng năm giai đoạn 2026-2030	Mức hỗ trợ (đồng/người /tháng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số người (người)	Số tiền (đồng)
	(A)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)*(4)
2026	Tuyển mới	1.190.000	10	70	833.000.000
	cộng năm 2026			70	833.000.000
2027	Tuyển mới	1.190.000	10	110	1.309.000.000
	2026 chuyển sang	1.190.000	10	70	833.000.000
	cộng năm 2027			180	2.142.000.000
2028	Tuyển mới	1.190.000	10	150	1.785.000.000
	2027 chuyển sang	1.190.000	10	110	1.309.000.000
	cộng năm 2028			260	3.094.000.000
2029	Tuyển mới	1.190.000	10	180	2.142.000.000
	2028 chuyển sang	1.190.000	10	150	1.785.000.000
	cộng năm 2029			330	3.927.000.000
2030	Tuyển mới	1.190.000	10	210	2.499.000.000
	2029 chuyển sang	1.190.000	10	180	2.142.000.000
	cộng năm 2030			390	4.641.000.000
2031	Tuyển mới				-
	2030 chuyển sang	1.190.000	10	210	2.499.000.000
	cộng năm 2031			210	2.499.000.000
	Cộng				17.136.000.000

Số tuyển mới giai đoạn 2026-2030: 720 người

Số tiền: 17.136.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng)

Phụ lục VI. Hỗ trợ người tốt nghiệp THCS học trình độ trung cấp, người tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, cao đẳng
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2026 của UBND thành phố)

Năm	Số tuyển sinh hàng năm giai đoạn 2026-2030	Cộng số người học	Cộng dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Mức hỗ trợ (Tr.đồng /người/tháng)	Số tháng được hưởng	Trình độ cao đẳng		Trình độ trung cấp	
						Số người học	Kinh phí (tr.đồng)	Số người học	Kinh phí (tr.đồng)
2026	Tuyển mới	5.700	51.300	0,9	10	700	6.300	5.000	45.000
	2024 chuyển sang	469	4.221	0,9	10	120	1,080	349	3.141
	2025 chuyển sang	1.500	13.500	0,9	10	750	6,750	750	6.750
	cộng năm 2026	7.669	69.021			1.570	14.130	6.099	54.891
2027	Tuyển mới	6.300	56.700	0,9	10	800	7.200	5.500	49.500
	2025 chuyển sang	750	6.750	0,9	10	750	6.750		
	2026 chuyển sang	5.700	51.300	0,9	10	700	6.300	5.000	45.000
	cộng năm 2027	12.750	114.750			2.250	20,250	10.500	94.500
2028	Tuyển mới	6.900	62.100	0,9	10	900	8.100	6.000	54.000
	2026 chuyển sang	700	6.300	0,9	10	700	6.300		-
	2027 chuyển sang	6.300	56.700	0,9	10	800	7.200	5.500	49.500
	cộng năm 2028	13.900	125.100			2.400	21.600	11.500	103.500
2029	Tuyển mới	7.420	66.780	0,9	10	920	8.280	6.500	58.500
	2027 chuyển sang	800	7.200	0,9	10	800	7.200		-
	2028 chuyển sang	6.900	62.100	0,9	10	900	8.100	6.000	54.000
	cộng năm 2029	15.120	136.080			2.620	23.580	12.500	112.500
2030	Tuyển mới	7.950	71.550	0,9	10	950	8.550	7.000	63.000
	2028 chuyển sang	900	8.100	0,9	10	900	8.100		-
	2029 chuyển sang	7.420	66.780	0,9	10	920	8.280	6.500	58.500
	cộng năm 2030	16.270	146.430			2.770	24.930	13.500	121.500
2031	2029 chuyển sang	920	8.280	0,9	10	920	8.280		-
	2030 chuyển sang	7.950	71.550	0,9	10	950	8.550	7.000	63.000
	cộng năm 2031	8.870	79.830			1.870	16,830	7.000	63.000
2032	2030 chuyển sang	950	8.550	0,9	10	950	8.550		-
	cộng năm 2032	950	8.550			950	8.550	-	-
	Cộng	75.529	679.761	-	-	14.430	129.870	61.099	549.891

Số tuyển mới giai đoạn 2026-2030 là 34.270 người (trung cấp 30.000 người, cao đẳng: 4.270 người)

Số tiền: 679.761.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi chín tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu đồng)

